

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HSST

Ngày: 29 – 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Hiền.
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại hội trường xét xử 1, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 đường Nguyễn Huệ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Văn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02 tháng 12 năm 2000 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn 2, xã BT, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V (Sinh năm 1976) và bà Nguyễn Thị D (Sinh năm 1972); Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ 01; vợ là Hồ Thị Căn Đ (sinh năm 2000); con: Có 01 con 01 tuổi; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Nhỏ ở với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 6/12 thì nghỉ học ở nhà cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/11/2020, tạm giam từ ngày 23/11/2020 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Thừa thiên Huế cho đến nay - Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Chị Lê Thị Anh H, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Kiệt 199 Đường THĐ, thị xã QT, tỉnh Quảng Trị - vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Trần Văn T, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Thôn 2, xã BT, thị xã HT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - vắng mặt.

+ Anh Phan Cảnh Quốc Đ, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn TL, xã BT, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế - vắng mặt.

+ Ông Trần Văn V, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn 2, xã BT, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế - có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Lê Bảo N, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Đường NTT, phường PV, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - vắng mặt;

+ Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Đường BD, quận HC, thành phố Đà Nẵng – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ, ngày 20/11/2020, Trần Văn H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát 75K1-017.60 đi trên đường VNG. Khi đến giao lộ VNG – TH, phường АД, thành phố H, H phát hiện chị Lê Bảo N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75E1-234.78 chở phía sau 02 (hai) người gồm chị Nguyễn Thị Thảo N và chị Lê Thị Anh H đang đi phía trước cùng chiều. Nhận thấy chị H đang đeo 01 (một) túi xách da, màu nâu nên H điều khiển xe vượt lên áp sát phía bên phải xe mô tô chị N điều khiển, dùng tay trái giật túi xách của chị H rồi điều khiển xe bỏ chạy đến khu vực LTT, thuộc địa bàn thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế thì dừng lại. H kiểm tra thấy trong túi xách có 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10, màu xanh, bên trong có 02 (hai) sim điện thoại số 0974245235 và 0777464468; số tiền 200.000 đồng và một số thẻ ngân hàng. H giữ lại chiếc điện thoại di động và 200.000 đồng, còn túi xách và thẻ ngân hàng thì vứt bỏ.

Sau đó, H mang điện thoại di động đến bán cho anh Phan Cảnh Quốc Đ với giá 3.400.000 đồng rồi mua lại từ anh Đ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, màu vàng, dung lượng 16Gb với giá 2.000.000 đồng. Còn 02 (hai) sim điện thoại số 0975245235 và 0777464468, H cất giữ trong túi áo khoác của mình. Đến tối cùng ngày, H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H bắt giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tiến hành truy tìm 01 chiếc túi xách màu nâu, chất liệu da, kích thước 35x15cm và các thẻ ngân hàng mà Trần Văn H vứt bỏ tại khu vực LTT nhưng không thu giữ được.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10, màu xanh;
- 01 (một) sim điện thoại số 0974245235;
- 01 (một) sim điện thoại số 09774644689;
- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave S, biển số 75K1-017.60;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, màu vàng, 16Gb.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 240/KL-HĐĐG ngày 23/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10, màu xanh, Imeil: 354622106171724/01, Imeil2: 354622106171722/01 trị giá 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*);

- 01 (một) túi xách màu nâu, chất liệu da, kích thước 35x15cm, không rõ nhãn hiệu (qua hồ sơ) trị giá 20.000 đồng (*hai mươi nghìn đồng*).

Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho chị Lê Thị Anh H 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10, màu xanh và 02 (hai) sim điện thoại đã tạm giữ;

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Wave S, biển số 75K1-017.60, qua điều tra xác định là của anh Trần Văn T cho bị cáo mượn. Tuy nhiên, anh T không biết H sử dụng làm phương tiện gây án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho anh T.

- Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, màu vàng, 16Gb mà anh Phan Cảnh Quốc Đ bán cho Trần Văn H, qua điều tra xác định, anh Đ không biết H sử dụng tiền có được do phạm tội để mua nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho anh Đ.

Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Lê Thị Anh H đã nhận lại tài sản. Đối với 200.000 đồng và túi xách chị H không yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải tiếp tục bồi thường. Đối với thẻ ngân hàng bị mất chị H đã xin cấp lại và không có ý kiến gì khác. Đồng thời, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn H.

- Anh Phan Cảnh Quốc Đ đã nhận lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, màu vàng, 16Gb và số tiền 1.400.000 đồng từ gia đình bị cáo Trần Văn H bồi thường nên không có ý kiến gì khác.

Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 70/CT-VKS-HS ngày 10/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố Trần Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công thành phố H đã trả lại các tài sản cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có yêu cầu gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Không có ai yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H; bị cáo nói lời nói sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 12 giờ, ngày 20/11/2020, Trần Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75K1-017.60 đi trên đường VNG, thuộc phường AĐ, thành phố H. Khi đến giao lộ VNG - TH, phường AĐ, thành phố H, H điều khiển xe mô tô vượt lên áp sát phía bên phải xe của chị Lê Thị Anh H rồi dùng tay trái giật 01 (một) túi xách bên trong có 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10, 200.000 đồng và một số thẻ ngân hàng của chị H. Tài sản Trần Văn H cướp giật qua định giá có giá trị là 4.220.000 đồng (bốn triệu hai trăm hai

mười nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng số 70/CT-VKS-HS ngày 10/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh xã hội tại địa phương. Do vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay để áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo và gia đình đã bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhân thân tốt, có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công thành phố H đã xử lý tài sản trả lại các tài sản cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tiền bồi thường, không ai có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 20/11/2020.

2.Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc Hội; buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người nêu trên vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT- Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TT Huế;
- VKSND TP H;
- CA thành phố H;
- Chi cục THADS TPH;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Dung